

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HS-PT
Ngày: 12-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Lê Quân Vương;

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Trần Văn Luông.

- Thư ký Phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 12 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở Phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 05/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Huỳnh Văn P. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 245/2019/HS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo kháng cáo: Huỳnh Văn P, sinh ngày 01/01/2000, tại tỉnh C; hộ khẩu thường trú: ấp L, xã P, huyện P, tỉnh C; chỗ ở hiện tại: Ấp 4, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ học vấn: 5/12; con ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1965 và bà Lê Thị C, sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại để điều tra cho đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn P: Bà Lê Thị L là Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt.

Cơ quan kháng nghị: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 05/5/2019, Huỳnh Văn P điều khiển xe mô tô biển số 69K1-285.11 đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T (kinh doanh xe gắn máy), địa chỉ: Số 359, đường N, khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương để mua xe mô tô. Khi đi, P chỉ đem theo các loại giấy tờ giả là Giấy chứng minh nhân dân số 280860573 và Giấy phép lái xe số 741175011437 cùng với số tiền 30.000 đồng.

Tại đây, nhân viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T đưa P đi xem loại xe mô tô mà P có nhu cầu mua, đồng thời tư vấn về giá bán xe và hình thức thanh toán tiền mua xe, trong đó có hình thức mua xe trả góp hàng tháng thông qua Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H. Điều kiện để mua xe trả góp là phải có 02 trong 03 các loại giấy tờ sau: giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và giấy phép lái xe. P nhận thấy, bản thân đáp ứng được điều kiện mua xe trả góp do đang có giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe; đồng thời bản thân P không có đủ tiền nên P quyết định mua xe mô tô nhãn hiệu S bằng hình thức mua trả góp hàng tháng thông qua Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H. P cung cấp Giấy chứng minh nhân dân số 280860XXX và Giấy phép lái xe số 741175011XXX cho nhân viên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T để làm hồ sơ mua xe trả góp. Sau khi P cung cấp các loại giấy tờ nêu trên, nhân viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T nghi ngờ các giấy tờ trên là giả nên trình báo Công an phường Hòa Lợi đến bắt quả tang, đồng thời thu giữ:

01 Giấy chứng minh nhân dân số 280860XXX do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/12/2014.

01 Giấy phép lái xe số 741175011XXX do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/4/2017.

01 xe máy mô tô nhãn hiệu Y, sơn màu đỏ - đen, biển số K, số khung: J, số máy: E.

Tại cơ quan điều tra Huỳnh Văn P khai nhận ngày 21/2/2019, P sử dụng Sổ hộ khẩu số 120288545 do Công an xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau cấp ngày 02/12/2014 của gia đình P và Giấy chứng minh nhân dân số 381880XXX mang tên Huỳnh Văn P do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 23/12/2014 để làm hồ sơ mua xe mô tô trả góp đối với xe mô tô mang biển kiểm soát K, nhãn hiệu Y, màu sơn đỏ, đen do P đứng tên chủ xe theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 022146 do Công an huyện P, tỉnh Cà Mau cấp ngày 22/02/2019 thông qua Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H; cho đến nay P chưa thanh toán hết số tiền đã vay cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H. Đồng thời, giấy phép lái xe của P hiện do Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai tạm giữ do vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông. Vì vậy, P không thể sử dụng các loại tài liệu nêu trên để tiếp tục mua xe mô tô bằng hình thức trả góp hàng tháng nên bản thân P đã nảy sinh ý định đặt làm giấy tờ giả nhằm mục đích mua xe mô tô trả góp.

Vào khoảng cuối tháng 4/2019, thông qua công cụ tìm kiếm Google, P tìm được tài khoản Zalo tên “M” có nhận làm giấy chứng minh nhân dân giả nên P đã sử dụng tài khoản Zalo tên “Họ Huỳnh Tên P” được đăng ký bằng số thuê bao 0911.404.XXX của P để nhắn tin đến tài khoản Zalo tên “T” với nội dung hỏi đặt làm giấy chứng minh nhân dân giả. Người sử dụng tài khoản Zalo tên “T” báo giá làm giấy chứng minh nhân dân giả là 3.500.000 đồng và gửi hình ảnh phôi giấy chứng minh nhân dân cho P xem, P đồng ý mua giấy chứng minh nhân dân giả với giá nêu trên. Thông tin ghi trên giấy chứng minh nhân dân giả được P nhắn tin đến tài khoản Zalo tên “T” với nội dung cụ thể như sau: họ tên: “HUỖNH VĂN P”; sinh ngày: “01-01-1997”; nguyên quán: “Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bình Dương”; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bình Dương”. Để có hình ảnh dán trên giấy chứng minh nhân dân giả thì P sử dụng máy điện thoại đi động nhãn hiệu O của P chụp lại ảnh 3x4 của P và gửi đến tài khoản Zalo tên “T”. Trong những thông tin cá nhân và hình ảnh cá nhân mà

P gửi đến tài khoản Zalo tên “T” chỉ có họ tên, ngày tháng sinh và hình ảnh cá nhân của P là đúng với thông tin cá nhân của P; còn các thông tin cá nhân còn lại là do P tự đặt ra. Khoảng 03 ngày sau, tại khu vực chợ V thuộc Ấp 4, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương P nhận được giấy chứng minh nhân dân số 280860573 thông qua dịch vụ chuyển phát bưu điện và P thanh toán số tiền 3.500.000 đồng cho nhân viên chuyển phát bưu điện.

Sau khi có được giấy chứng minh nhân dân giả, để thực hiện được việc mua xe mô tô bằng hình thức trả góp thông qua Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H, P tiếp tục sử dụng công cụ tìm kiếm Google để tìm kiếm người làm giấy phép lái xe hạng A1 giả và tìm được tài khoản Zalo tên “H” có nhận làm giấy phép lái xe hạng A1 giả. P sử dụng tài khoản Zalo tên “H1” của mình để nhắn tin đến tài khoản Zalo tên “H2” với nội dung hỏi đặt làm giấy phép lái xe hạng A1 giả và được người sử dụng tài khoản Zalo tên “H2” báo giá làm giấy phép lái xe hạng A1 giả là 1.500.000 đồng, P đồng ý mua giấy phép lái xe hạng A1 giả với giá nêu trên. Thông tin ghi trên giấy phép lái xe hạng A1 giả và hình ảnh in trên giấy phép lái xe hạng A1 giả được P nhắn tin đến tài khoản Zalo tên “H2” giống với thông tin và hình ảnh P đã nhắn đến tài khoản Zalo tên “T” để đặt làm giấy chứng minh nhân dân giả trước đó. Đến chiều ngày 05/5/2019, P nhận được giấy phép lái xe số 741175011437 được ghi do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/4/2017 thông qua dịch vụ chuyển phát bưu điện và P thanh toán số tiền 1.500.000 đồng cho nhân viên chuyển phát bưu điện.

Theo Kết luận giám định số 137/GĐ-PC09 ngày 09/5/2019, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

01 giấy chứng minh nhân dân số 280860573, mang tên “Huỳnh Văn P”, sinh ngày 01/01/1997, nơi đăng ký thường trú: ấp P, xã Phú An, huyện B, tỉnh Bình Dương, đề ngày 23/12/2014 (ký hiệu A1) là giấy giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

01 giấy phép lái xe (PET) số: 741175011437, hạng A1, họ tên “Huỳnh Văn P”, sinh ngày 01/01/1997, nơi đăng ký thường trú: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bình Dương, đề ngày 25/4/2017 (ký hiệu A2) là giấy giả.

Như vậy, Huỳnh Văn P tham gia làm giả tổng số 02 (hai) tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 245/2019/HS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 341; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn P phạm tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn P 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/12/2019, bị cáo Huỳnh Văn P làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 26/12/2019, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương kháng nghị theo hướng xét xử bị cáo P phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và giảm hình phạt cho bị cáo P.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Huỳnh Văn P là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo: xét thấy, tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm hoàn cảnh cha của bị cáo mới chết ngày 04/02/2020. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Đồng thời để đáp ứng tình hình phòng, chống tội phạm tại địa phương; nhằm lập lại trật tự trị an trên địa bàn thì cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới: có cậu ruột tên Lê Văn N là Liệt sĩ nhưng đây không phải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: xét thấy, bị cáo không trực tiếp làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; bị cáo chỉ thuê người làm giả tài liệu rồi sử dụng tài liệu này để đi mua xe mô tô nên hành vi của bị cáo chỉ cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương; chuyển tội danh từ khung hình phạt khoản 2 xuống khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, giảm hình phạt cho bị cáo từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày nội dung bào chữa: ngoài những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, bị cáo còn có thêm tình tiết mới: có cậu ruột tên Lê Văn N là Liệt sĩ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, cha của bị cáo mới chết ngày 04/02/2020. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử bị cáo dưới khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại Phiên tòa, bị cáo P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Huỳnh Văn P nói lời sau cùng: bị cáo mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện lao động chăm sóc mẹ và em gái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn P được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại Phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Huỳnh Văn P đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: để phục vụ nhu cầu cá nhân, Huỳnh Văn P đã có hành vi làm giả 02 tài liệu của cơ quan, tổ chức gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe. Hành vi của bị cáo P thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của bị cáo P là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức; gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo P biết rõ hành vi làm giả hồ sơ xin việc làm và các giấy tờ khác là trái pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo P bất chấp hậu quả, cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Bị cáo P có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo P về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo P. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo P có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: trong quá trình điều tra và tại Phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo còn có nhân thân tốt thể hiện ở việc chưa có tiền án tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; cha của bị cáo mới chết, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo P thì bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/6/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Tuy nhiên, bị cáo có tình tiết định khung tăng nặng làm giả 02 tài liệu của cơ quan, tổ chức; hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo nhận thức được hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Để đáp ứng tình hình phòng, chống tội phạm tại địa phương; nhằm lập lại trật tự trị an trên địa bàn thì cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo là không cơ sở chấp nhận.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới: có có cậu ruột tên Lê Văn N là Liệt sĩ nhưng đây không phải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm c mục 5 của Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương. Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo P là người chủ động L hệ với các đối tượng làm giả tài liệu và trực tiếp cung cấp thông tin của cá nhân cho các đối tượng này để các đối tượng này làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức theo đúng yêu cầu của bị cáo. Do đó, bị cáo P là đồng phạm của tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” nên kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với 02 tài khoản Zalo có tên “T” và “H2”, quá trình điều tra xác định tài khoản Zalo tên “P” có số thuê bao 0911.404.674 không còn tồn tại nên không có cơ sở xử lý.

[6] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị xét xử bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và giảm một phần hình phạt cho bị cáo là chưa phù hợp.

[7] Người bào chữa cho bị cáo P đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử bị cáo dưới khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS ngày 26/12/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Không nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn P.

3. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 245/2019/HS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo Huỳnh Văn P 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 06/5/2019 đến ngày 15/5/2019”.

4. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Huỳnh Văn P phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;	1
- TAND thị xã B;	2
- VKSND thị xã B;	1
- Chi cục THADS thị xã B;	1
Phòng PV06 Công an tỉnh BD;	1
- Công an thị xã B;	1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Bị cáo;	1
- Tổ Hành chính Tư pháp;	2
- Lưu: HSVA, Tòa HS.	2

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TOÀ**

Lê Quân Vương

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Trần Văn Luông

Trương Văn Lộc

Lê Quân Vương